CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 398/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết Nghị quyết số 43/2026/QH16 về giảm thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cá nhân và doanh nghiệp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 09/2026/QH16;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 116/2025/QH15, Luật số 127/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15, Luật số 141/2025/QH15, Luật số 143/2025/QH15 và Luật số 09/2026/QH16;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2026/QH16 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cá nhân và doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết Nghị quyết số 43/2026/QH16 về giảm thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cá nhân và doanh nghiệp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về giảm thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cá nhân và doanh nghiệp theo quy định tại Nghị quyết số 43/2026/QH16.

Điều 2. Giảm 30% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp của kỳ tính thuế năm 2026 và năm 2027 đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân cư trú có mức doanh thu hằng năm của năm 2026, năm 2027 không quá 10 tỷ đồng

1. Việc giảm thuế quy định tại Điều này áp dụng đối với cá nhân cư trú có hoạt động sản xuất, kinh doanh, bao gồm cả cá nhân đăng ký thành lập hộ kinh doanh hoặc người được các thành viên hộ gia đình ủy quyền làm người đại diện hộ kinh doanh (sau đây gọi là cá nhân kinh doanh).

2. Số thuế thu nhập cá nhân được giảm của kỳ tính thuế năm 2026, năm 2027 được tính trên số thuế thu nhập cá nhân phải nộp phát sinh từ toàn bộ thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cá nhân kinh doanh, không phân biệt phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân.

3. Doanh thu năm làm căn cứ xác định cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng được giảm thuế thu nhập cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 141/2026/NĐ-CP).

4. Kê khai giảm thuế

a) Cá nhân kinh doanh dự kiến doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2026, năm 2027 nếu không quá 10 tỷ đồng thì kê khai giảm thuế thu nhập cá nhân theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này và nộp cùng hồ sơ khai thuế quý, 06 tháng đầu năm, 06 tháng cuối năm, năm.

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện khấu trừ, khai thay, nộp thay thuế thu nhập cá nhân cho cá nhân kinh doanh, căn cứ doanh thu nếu không quá 10 tỷ đồng thuộc phạm vi khấu trừ, khai thay, nộp thay và quy định tại Điều này, tổ chức, cá nhân thực hiện giảm 30% số thuế thu nhập cá nhân phải khấu trừ, khai thay, nộp thay theo tháng, quý hoặc theo lần phát sinh, kê khai theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này và nộp cùng Tờ khai thuế thu nhập cá nhân của tổ chức, cá nhân thực hiện khấu trừ, khai thay, nộp thay thuế thu nhập cá nhân cho cá nhân kinh doanh.

c) Căn cứ tổng doanh thu thực tế của toàn bộ hoạt động kinh doanh, cá nhân kinh doanh xác định số thuế thu nhập cá nhân phải nộp và số thuế thu nhập cá nhân được giảm theo quy định tại Điều này. Trường hợp tổng doanh thu thực tế trong năm vượt quá 10 tỷ đồng thì không được áp dụng mức giảm thuế quy định tại Điều này và phải nộp bổ sung số thuế thu nhập cá nhân đã được giảm, kê khai điều chỉnh theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này và nộp cùng hồ sơ khai thuế của kỳ phát sinh doanh thu lũy kế tính từ đầu năm trên 10 tỷ đồng. Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp bổ sung do xác định lại điều kiện giảm thuế theo quy định này không tính tiền chậm nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của kỳ phát sinh doanh thu lũy kế trên 10 tỷ đồng.

d) Trường hợp đã kê khai thuế thu nhập cá nhân nhưng chưa kê khai số thuế được giảm theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này thì được khai điều chỉnh, bổ sung hồ sơ khai thuế đã khai hoặc xác định giảm thuế khi quyết toán thuế năm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp cá nhân kinh doanh nộp thuế theo thuế suất trên doanh thu nếu nộp thừa thì cuối năm được bù trừ, hoàn trả, hoàn trả kiêm bù trừ thu ngân sách theo quy định của pháp luật về quản lý thuế đối với số thuế nộp thừa.

đ) Trường hợp cá nhân khai bổ sung hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân của kỳ tính thuế năm 2026, năm 2027 hoặc theo quyết định, kết luận, thông báo kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền làm tăng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp thì số thuế tăng thêm được giảm 30% theo quy định của Nghị định này nếu cá nhân vẫn đáp ứng điều kiện được giảm thuế quy định tại Điều này.

e) Trường hợp cá nhân khai bổ sung hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân của kỳ tính thuế năm 2026, năm 2027 hoặc theo quyết định, kết luận, thông báo kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền làm giảm số thuế thu nhập cá nhân phải nộp thì điều chỉnh giảm số thuế thu nhập cá nhân được giảm theo quy định của Nghị định này và xử lý số tiền thuế nộp thừa (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 3. Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế năm 2026 và năm 2027 đối với thu nhập của doanh nghiệp, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có mức doanh thu hằng năm của năm 2026, năm 2027 không quá 10 tỷ đồng

1. Việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này áp dụng đối với người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là doanh nghiệp, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 43/2026/QH16 (sau đây gọi là doanh nghiệp), bao gồm:

a) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã.

c) Đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

d) Tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập.

Việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này không áp dụng đối với các doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp hình thành từ việc chia, tách doanh nghiệp sau ngày Nghị quyết số 43/2026/QH16 có hiệu lực, mà tổng doanh thu hằng năm của năm 2026, năm 2027 của các doanh nghiệp sau chia, tách trên 10 tỷ đồng.

2. Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm của kỳ tính thuế năm 2026, năm 2027 được tính trên toàn bộ thu nhập của doanh nghiệp có kỳ tính thuế theo năm, không phân biệt phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản thu nhập quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm được tính trên số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế năm 2026, năm 2027.

Trường hợp doanh nghiệp đang được ưu đãi thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc các luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm quy định tại khoản này tính trên số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sau khi đã trừ ưu đãi thuế.

3. Doanh thu năm làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm doanh thu từ hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ (không bao gồm các khoản giảm trừ doanh thu), doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác.

a) Trường hợp kỳ tính thuế năm đầu tiên đối với doanh nghiệp mới thành lập hoặc kỳ tính thuế năm cuối cùng đối với doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản mà có thời gian ngắn hơn 03 tháng và doanh nghiệp được cộng vào kỳ tính thuế năm 2026, năm 2027 để hình thành một kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp thì việc xác định doanh thu và số thuế được giảm áp dụng đối với 12 tháng của kỳ tính thuế năm 2026, năm 2027.

b) Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh thì doanh thu trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm doanh thu của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh thể hiện trên báo cáo tài chính tổng hợp năm.

c) Việc xác định tổng doanh thu hằng năm của các doanh nghiệp sau chia, tách quy định tại khoản 1 Điều này là tổng cộng doanh thu của tất cả các doanh nghiệp được hình thành từ quá trình chia, tách doanh nghiệp ban đầu trong kỳ tính thuế năm 2026, năm 2027.

4. Kê khai giảm thuế

a) Doanh nghiệp dự kiến doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2026, năm 2027 nếu không quá 10 tỷ đồng thì tự xác định số thuế được giảm khi tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hằng quý.

b) Trường hợp tổng doanh thu thực tế trong kỳ tính thuế vượt quá 10 tỷ đồng thì doanh nghiệp thực hiện kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Doanh nghiệp phải nộp đủ số tiền thuế thiếu so với số phải nộp và việc xử lý tiền chậm nộp thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế.

c) Trường hợp doanh nghiệp khai bổ sung hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ tính thuế năm 2026, năm 2027 hoặc theo quyết định, kết luận, thông báo kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền làm tăng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thì số thuế tăng thêm được giảm 30% theo quy định của Nghị định này nếu doanh nghiệp vẫn đáp ứng điều kiện được giảm thuế quy định tại Điều này.

d) Trường hợp doanh nghiệp khai bổ sung hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ tính thuế năm 2026, năm 2027 hoặc theo quyết định, kết luận, thông báo kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền làm giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thì điều chỉnh giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo quy định của Nghị định này và xử lý số tiền thuế nộp thừa (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 10 năm 2026 và áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2026, năm 2027.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc giao Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b)/5

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Nguyễn Văn Thắng